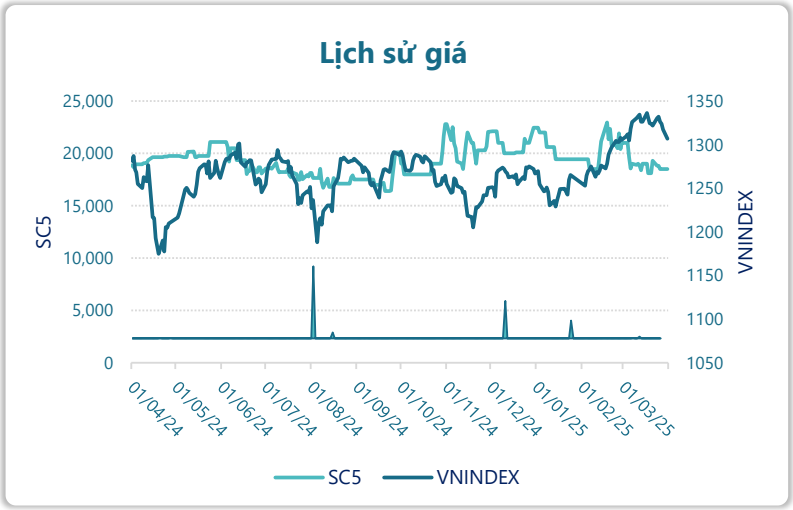
CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,400
SL cổ phiếu LH	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,115
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	277
P/E	9.1
EPS	2,044

DT thuần

Q1/25

468

tỷ VNĐ

QoQ: ▼447| -48.9%

YoY: ▼301| -39.2%

LN sau thuế

Q1/25

4.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.16| -66.9%

YoY: ▼6.36| -58.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

2,757

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 149| 5.7%

LN sau thuế

2024

37.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.60| 1.7%

ROE

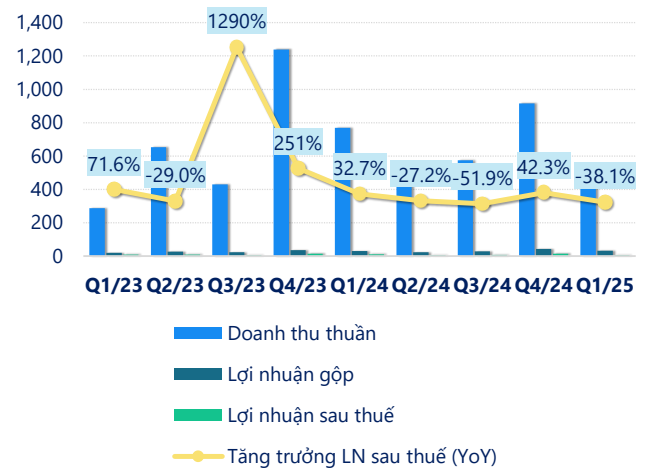
2024

10.0%

+/- YoY: ▼ 0.5%

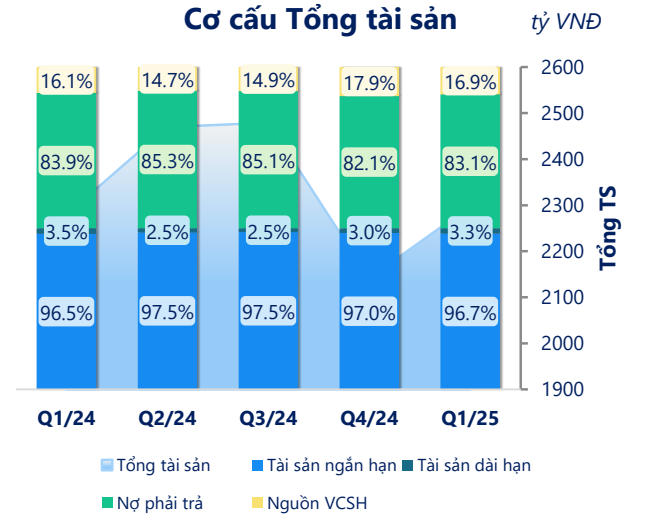
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



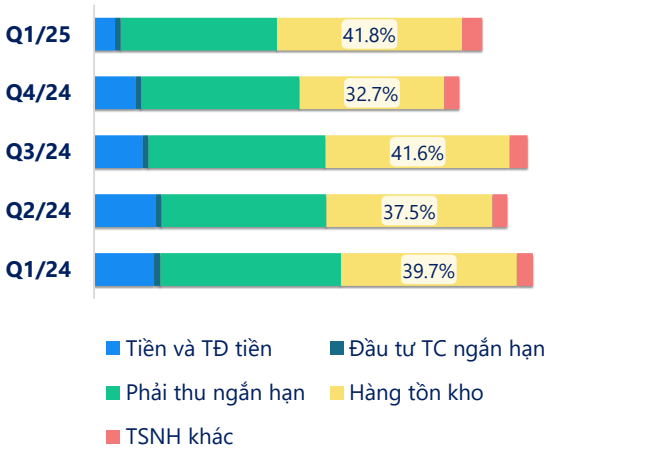
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



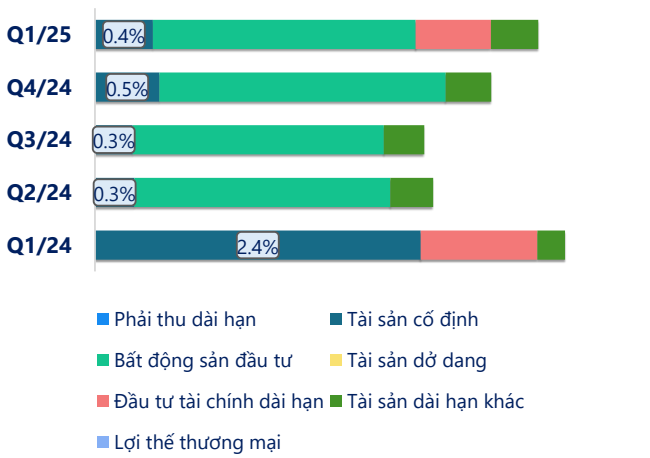
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



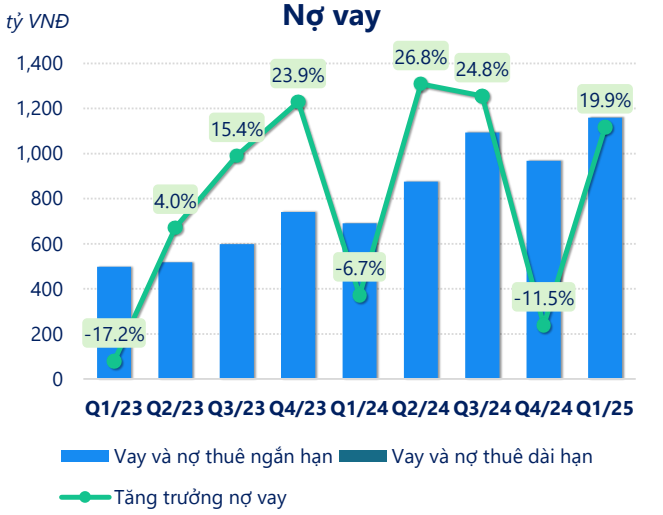
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



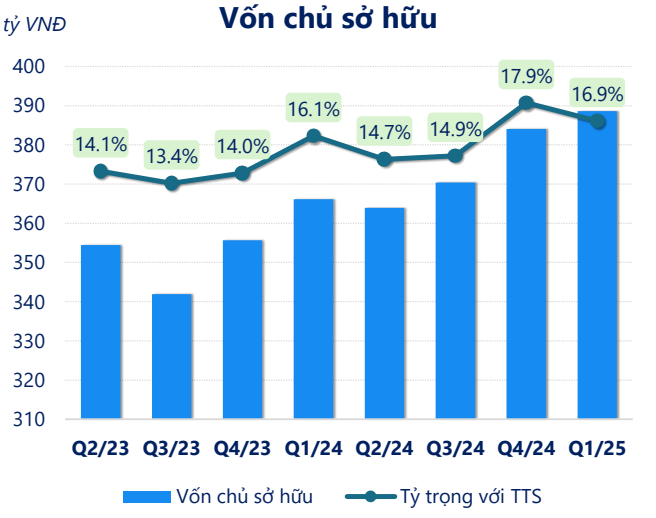
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



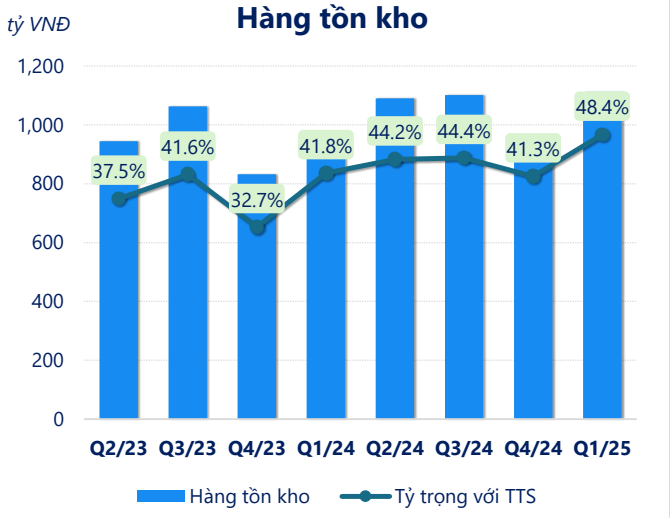
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



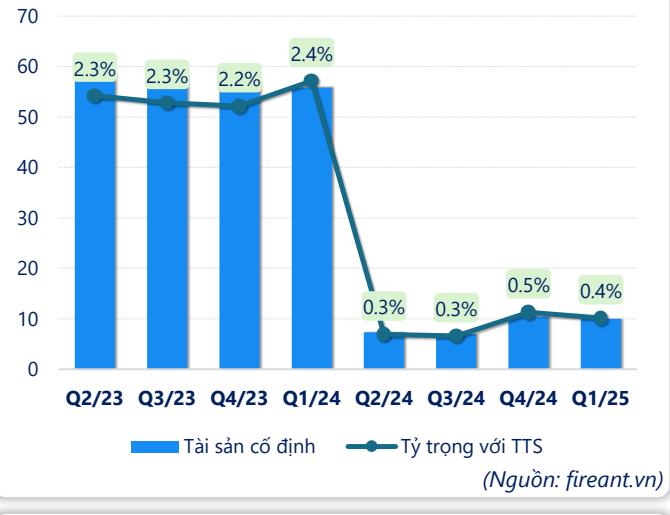
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



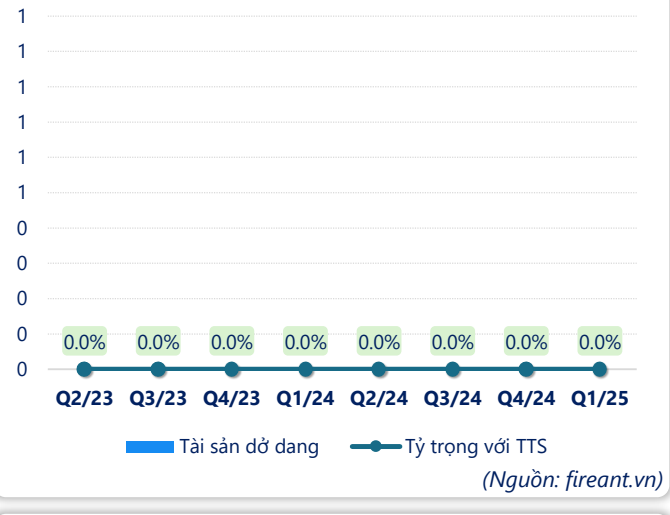
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



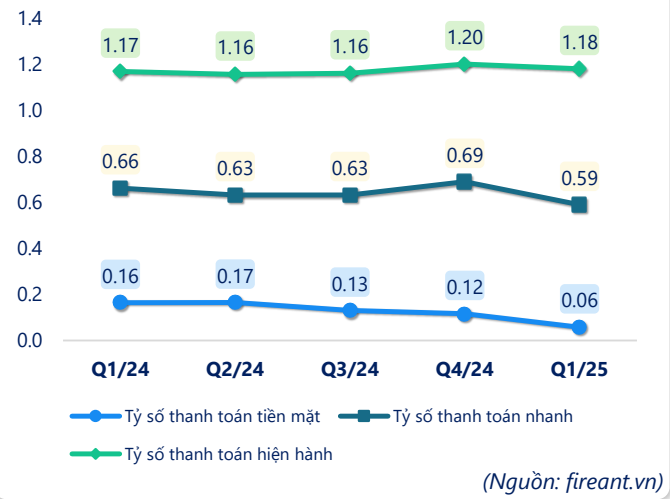
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



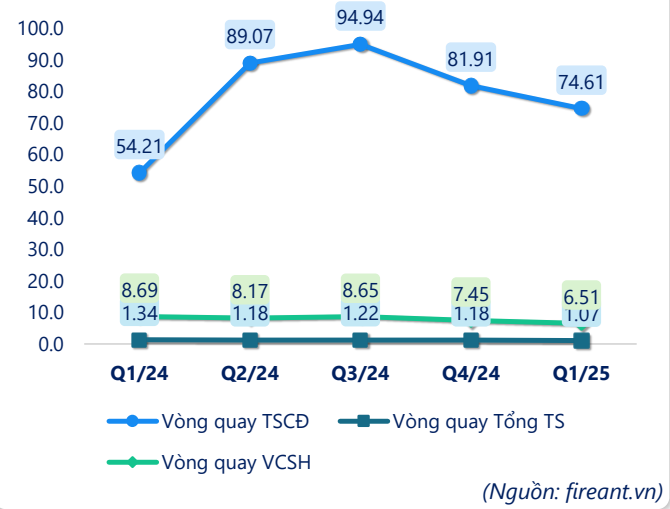
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**2,279**	**2,470**	**2,479**	**2,141**	**2,298**
Tài sản ngắn hạn	**2,199**	**2,407**	**2,418**	**2,078**	**2,221**
Tiền và tương đương tiền	308	344	271	201	108
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.9	25.7	20.3	20.3	7.31
Phải thu ngắn hạn	803	829	899	862	870
Hàng tồn kho	953	1,090	1,101	884	1,111
Tài sản ngắn hạn khác	104	118	126	110	124
Tài sản dài hạn	**80.6**	**62.8**	**61.4**	**63.8**	**76.6**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	55.8	7.31	7.00	10.4	9.99
Bất động sản đầu tư	0	47.5	46.8	46.1	45.4
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	0	0	0	13.0
Tài sản dài hạn khác	4.75	7.99	7.55	7.31	8.16
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,913**	**2,106**	**2,109**	**1,757**	**1,909**
Nợ ngắn hạn	**1,880**	**2,081**	**2,081**	**1,729**	**1,881**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	691	875	1,093	967	1,160
Phải trả người bán ngắn hạn	390	430	371	489	447
Nợ dài hạn	33.0	25.1	28.1	28.3	28.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**366**	**364**	**370**	**384**	**389**
Vốn chủ sở hữu	**366**	**364**	**370**	**384**	**389**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)